CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn GCL

Ngày 30/09/2025	14,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần
Q3/25
0.98
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.01| -50.6%
YoY: ▼14.6| -93.7%

LN thuần
Q3/25
-0.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.54| 75.2%
YoY: ▼2.08| -109%

LN sau thuế
Q3/25
-0.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.56| 75.5%
YoY: ▼1.95| -110%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-18.5%
YoY: +/-▲ 18.6%

ROE (TTM)
Q3/25
-0.1%
YoY: +/-▼ 2.6%

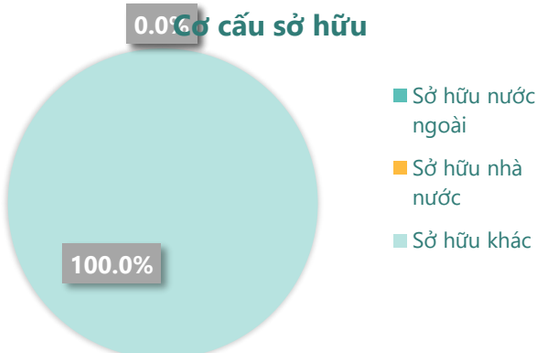
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,000 - 19,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	106
Số lượng CPLH (CP)	7,596,981
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,745
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.31
EPS	-14
P/E	-1035.0

DT thuần
9T 2025
2.97
tỷ VNĐ
YoY: ▼24.5| -89.2%

LN thuần
9T 2025
-0.98
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.57| -265%

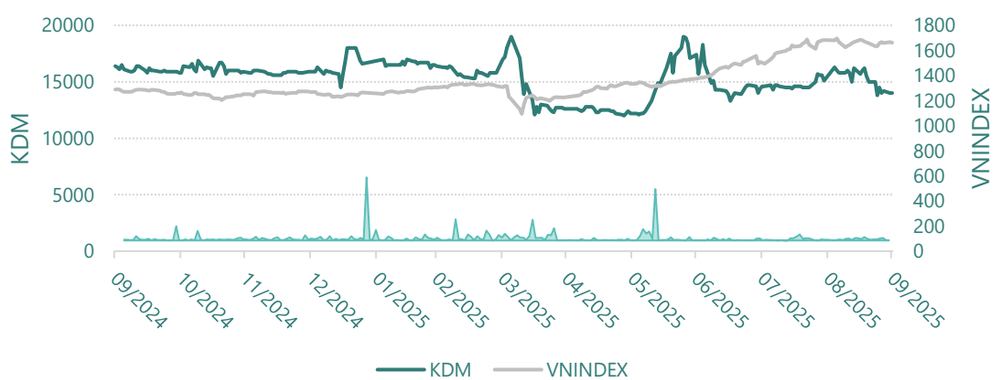
LN sau thuế
9T 2025
-1.00
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.45| -320%

Cơ cấu sở hữu

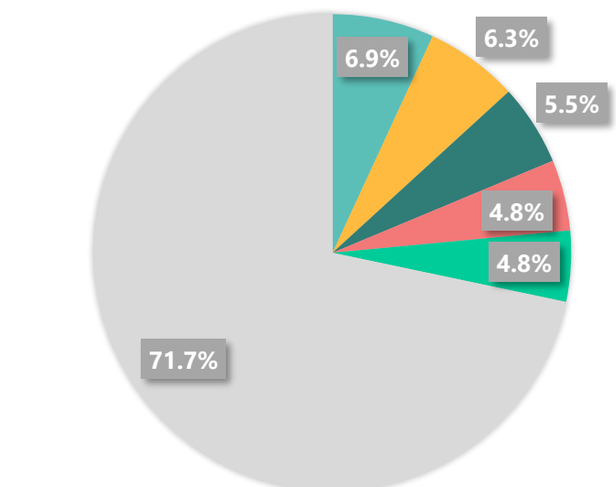


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



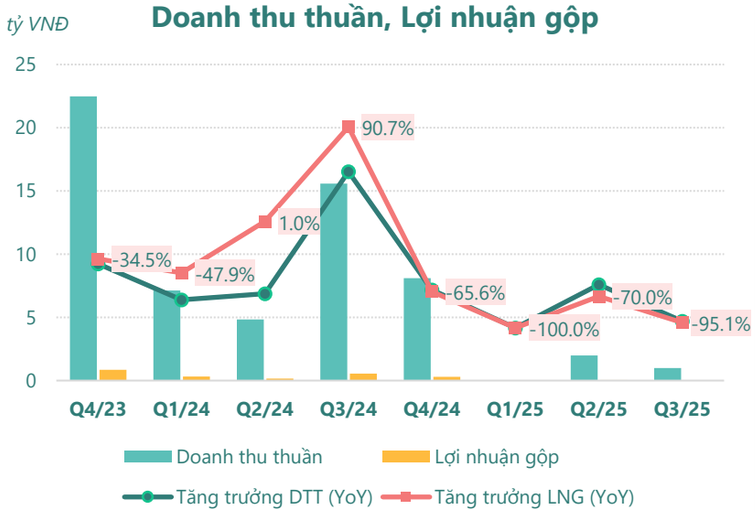
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

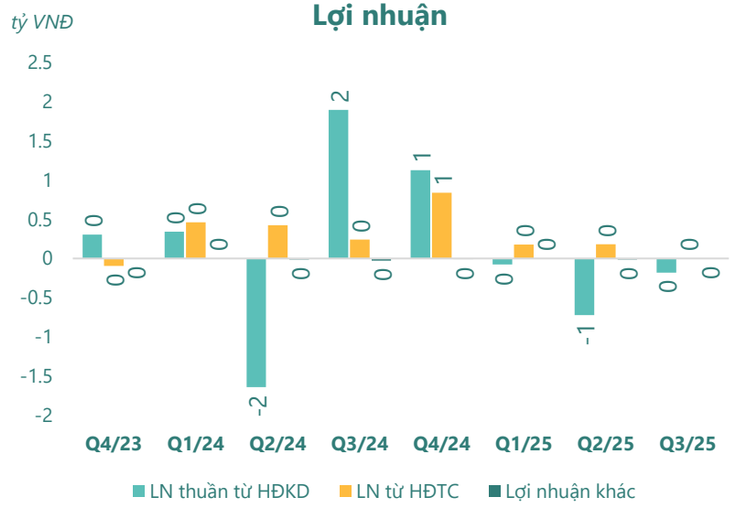
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



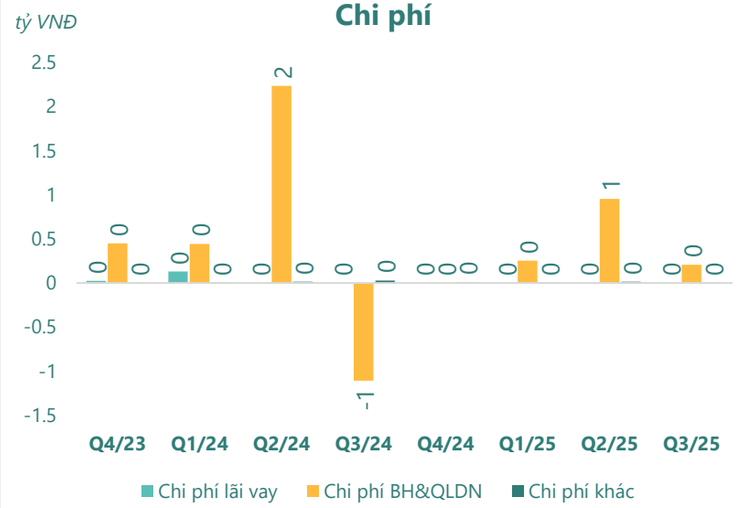
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



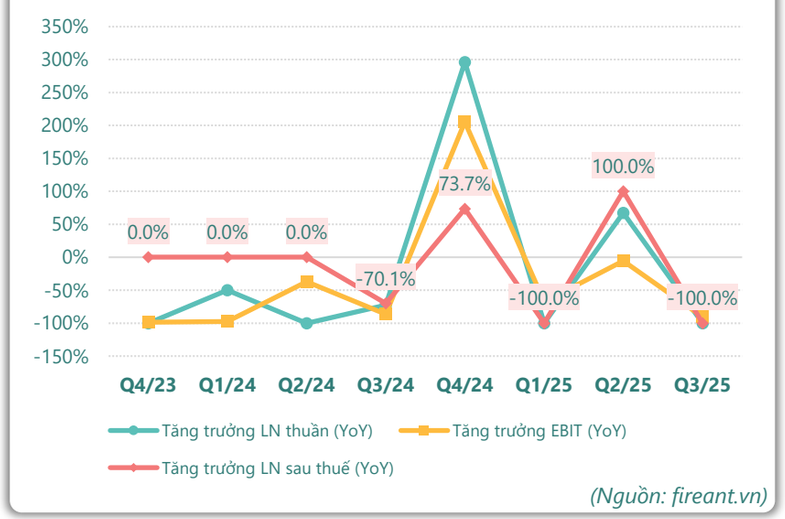
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



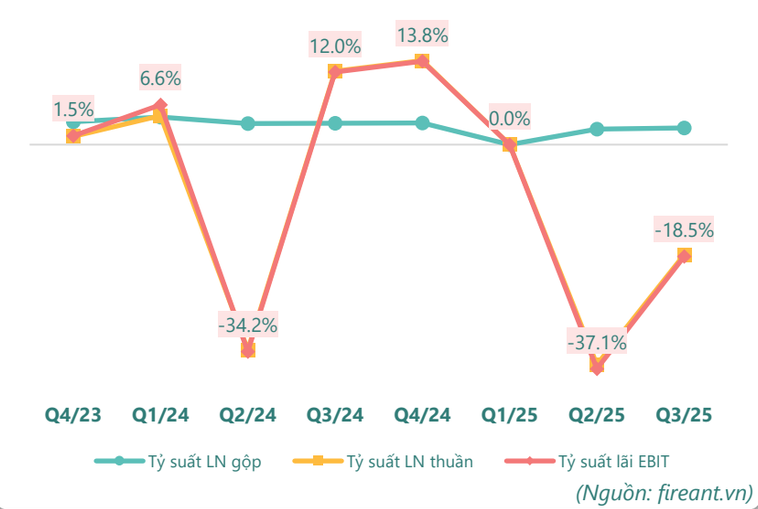
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



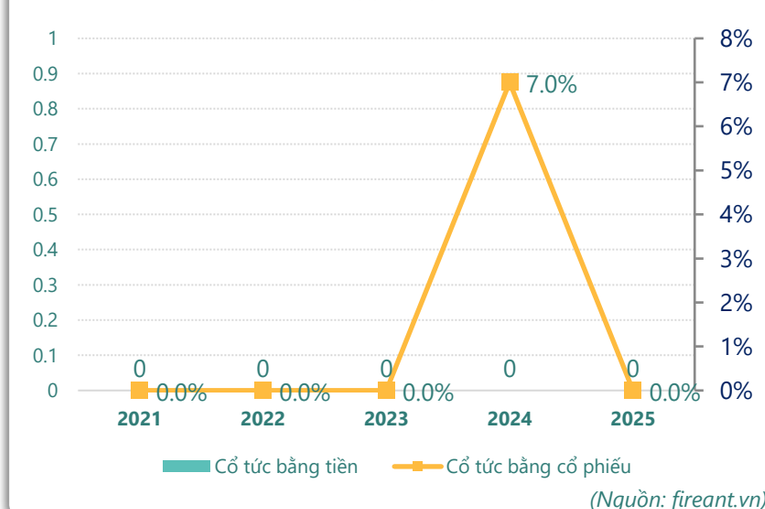
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

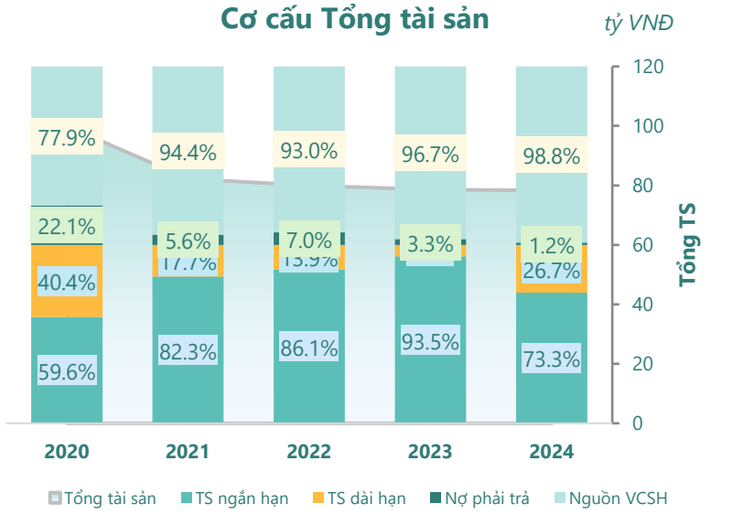
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

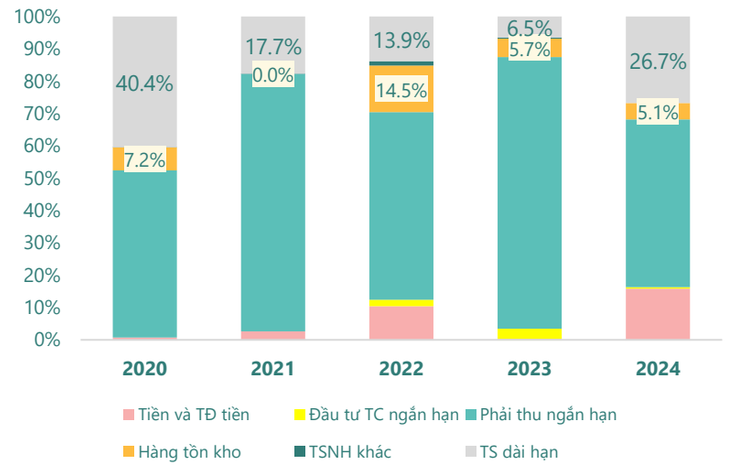
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



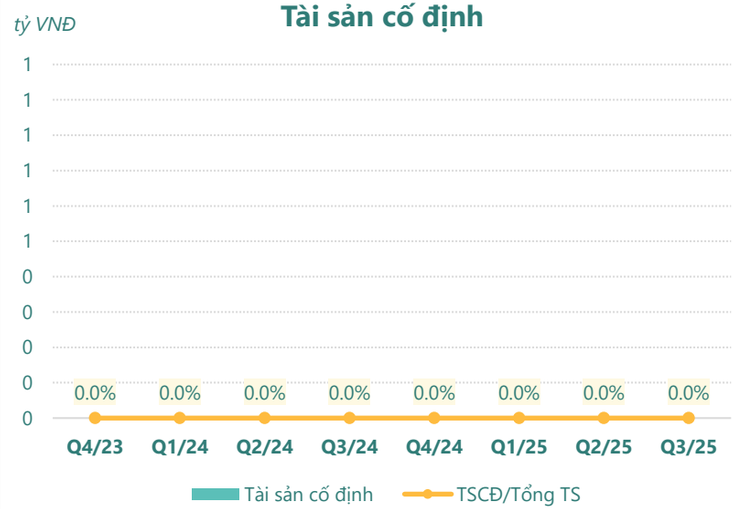
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



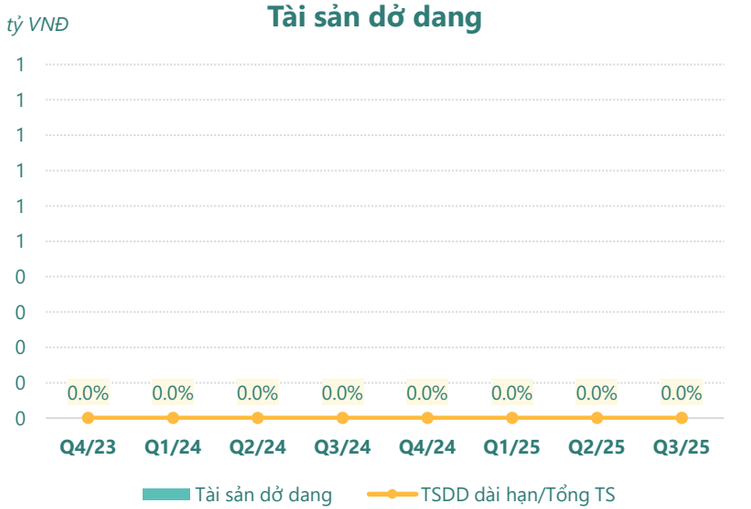
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



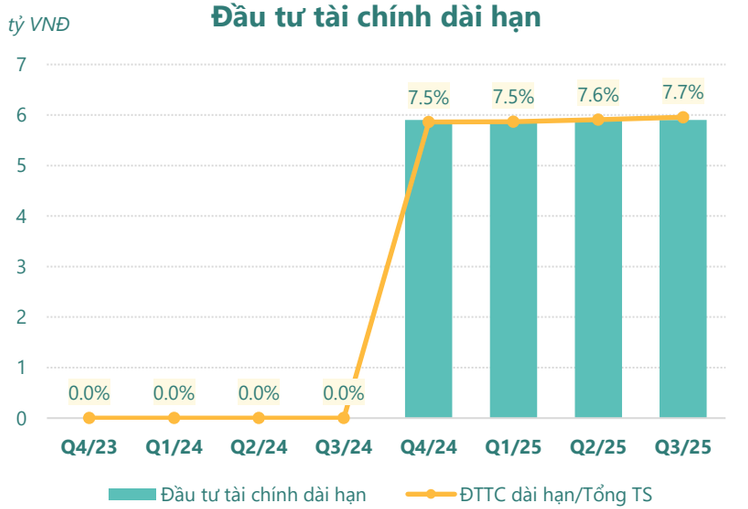
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



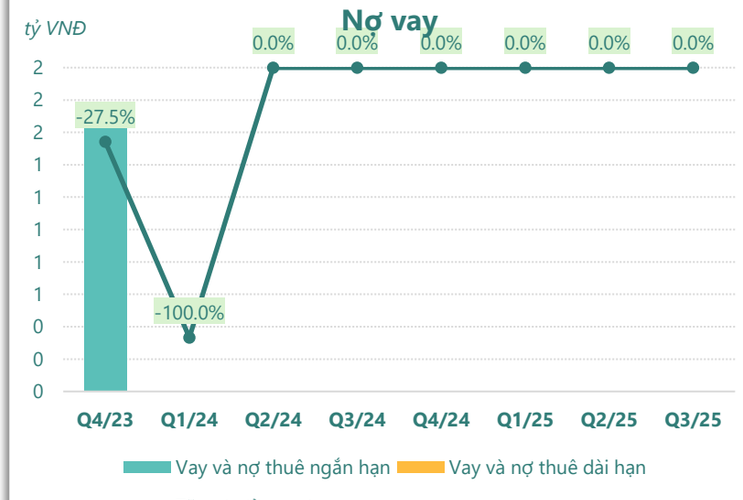
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

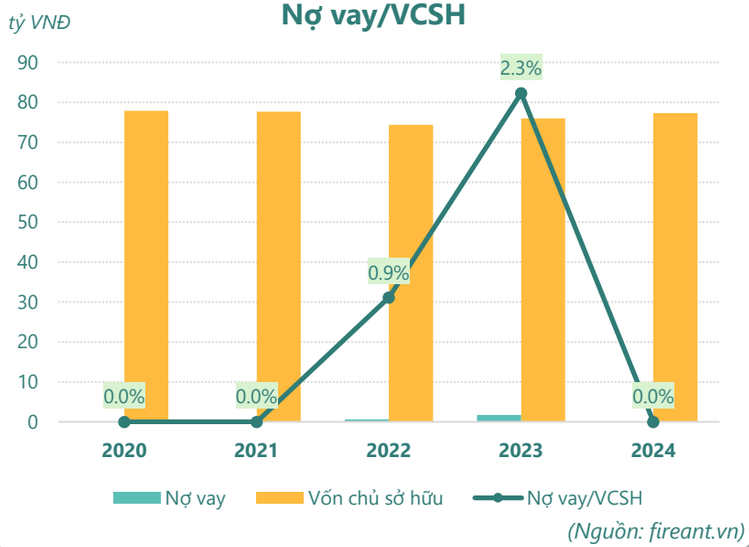
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

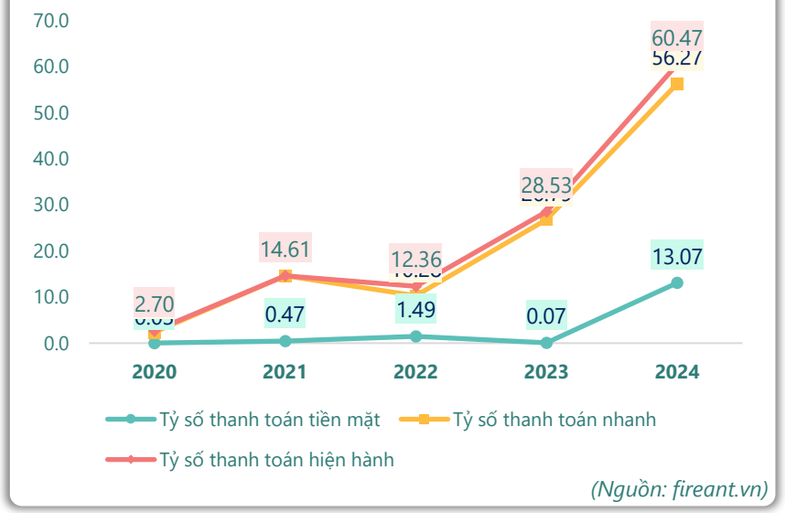
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



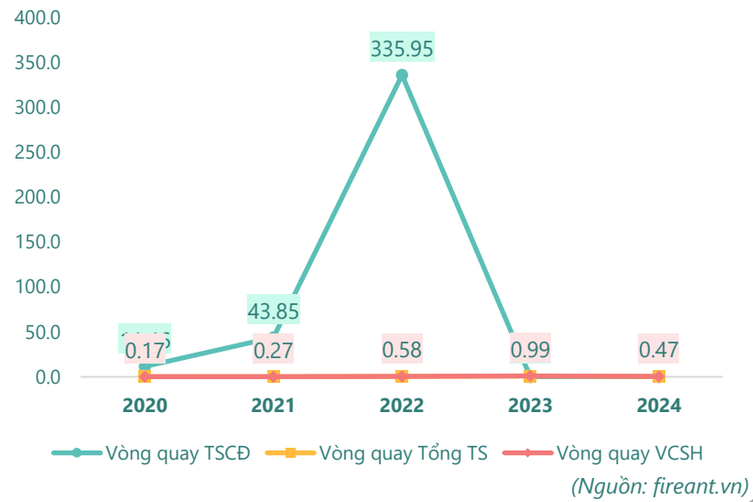
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



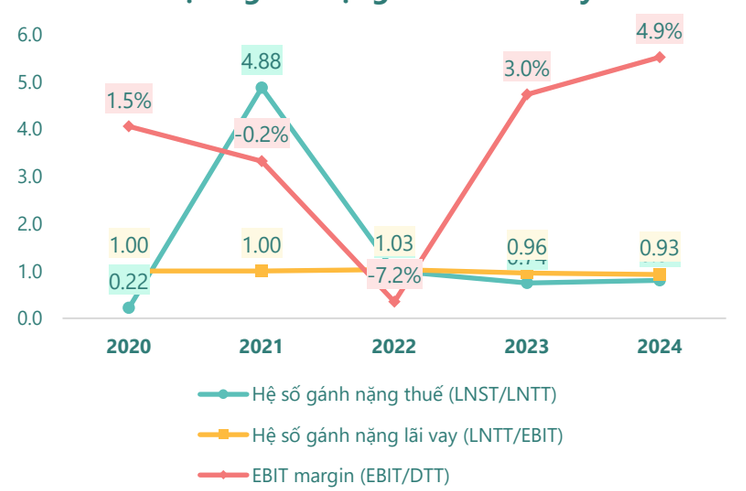
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



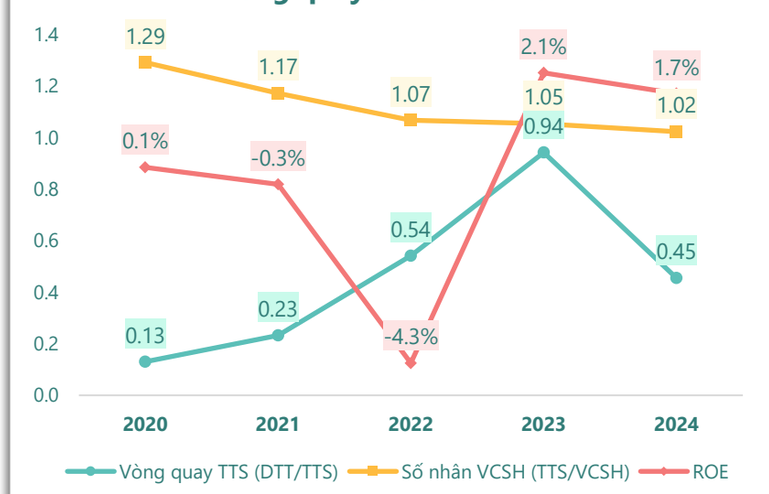
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



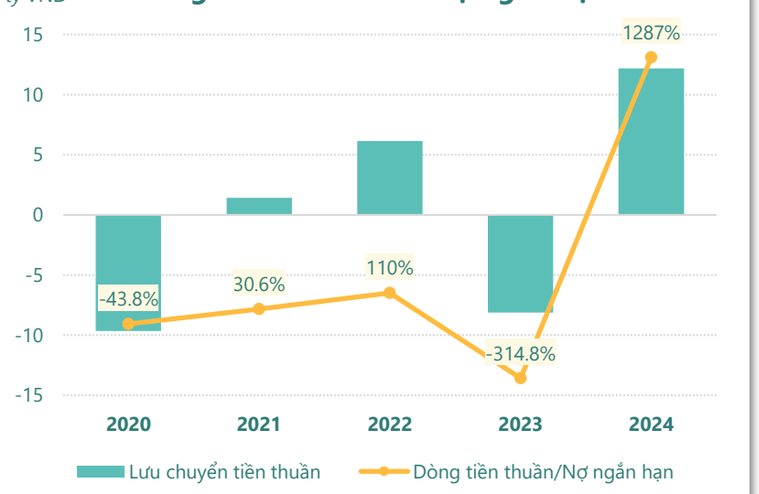
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.98**	**15.6**	**-93.7%**	**2.97**	**27.5**	**-89.2%**
Giá vốn hàng bán	0.96	15.0	-93.6%	2.89	26.5	-89.1%
Lợi nhuận gộp	0.03	0.55	-95.1%	0.08	1.04	-92.6%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.24	-100.0%	0.36	1.19	-69.5%
Chi phí TC	0	0.00		0.01	0.07	-91.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.13	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.21**	**-1.11**	**119%**	**1.41**	**1.57**	**-10.0%**
LN thuần từ HĐKD	-0.18	1.90	-109%	-0.98	0.59	-265%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.03**	**91.0%**	**-0.02**	**-0.04**	**62.0%**
LN trước thuế	-0.18	1.87	-110%	-1.00	0.55	-280%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.18**	**1.77**	**-110%**	**-1.00**	**0.45**	**-320%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.18**	**1.77**	**-110%**	**-1.00**	**0.45**	**-320%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.3	9.98	5.12	6.67	5.11	-0.53
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.04	-4.51	-0.46	-10.0	-6.11	0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	9.54	2.25	7.72	12.4	9.06	8.05
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.28**	**5.47**	**4.66**	**-3.33**	**-1.00**	**-0.46**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.25	7.72	12.4	9.06	8.05	7.59

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**77.0**	**78.2**	**-1.5%**
Tài sản ngắn hạn	56.1	57.3	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	7.59	12.4	-38.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.39	-100%
Phải thu ngắn hạn	42.1	40.6	3.8%
Hàng tồn kho	6.23	3.98	56.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.23	0	
Tài sản dài hạn	**20.9**	**20.9**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	15.0	15.0	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	5.90	5.90	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0.03**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	0.74	0.95	-22.1%
Nợ ngắn hạn	**0.74**	**0.95**	**-22.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.07	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**76.3**	**77.3**	**-1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**76.3**	**77.3**	**-1.3%**
Vốn điều lệ	76.0	76.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)